TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-10-2019
V/v tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa

2. Bà Nguyễn Thị Nhiễu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Lê Ngọc B**, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị N có mặt, anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày***:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Ngọc B tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy Bn nhân dân xã Vũ Vân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình vào ngày 28/02/1996. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh B thường xuyên đi làm xa, có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình, bỏ mặc vợ con. Chị và gia đình đã góp ý, khuyên bảo nhiều lần nhưng anh B không thay đổi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân của anh chị không có khả năng hàn gắn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh Lê Ngọc B có 03 con chung là Lê Thị O, sinh ngày 30/01/1996; Lê Thị Thu H, sinh ngày 03/4/2003 và Lê Thị Thu H1, sinh ngày 09/9/2011. Hiện nay con Lê Thị O đã đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con Lê Thị Thu H và Lê Thị Thu H1, chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh B có 01 ngôi nhà mái bằng 01 tầng khoảng 160m^2 được xây dựng trên đất của bố mẹ đẻ chị cho. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản; nợ chung của vợ chồng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* ***Bị đơn anh Lê Ngọc B*** đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để nộp bản tự khai, trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa, nhưng anh B đều vắng mặt không lý do. Vì vậy anh B không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án.

**** Chị Lê Thị O là con gái của chị Nguyễn Thị N và anh Lê Ngọc B trình bày***: Bố mẹ chị mâu thuẫn từ năm 2015, nguyên nhân là do bố chị có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm gì đến mẹ chị. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình chị đã khuyên bảo bố chị nhưng có kết quả. Nay mẹ chị có đơn xin ly hôn bố chị, chị đề nghị giải quyết ly hôn theo nguyện vọng của mẹ chị để giải phóng cho mẹ chị. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và gửi thông báo thụ lý về cho bố chị, chị đã nhận thay bố chị và đã thông báo cho bố chị biết, quan điểm của bố chị là không đồng ý ly hôn nên bố chị sẽ không đến Tòa án để trình bày quan điểm.

**** Chị Lê Thị T là chị gái của anh Lê Ngọc B trình bày:***

Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa chị N và anh B như chị N trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống ở xã Vũ Vân được một thời gian ngắn thì anh chị chuyển đến xã Vũ Hội làm ăn, sinh sống ở đó. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B có

quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng cãi vã, mâu thuẫn căng thẳng và bắt đầu sống ly thân từ đó đến nay. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình chị đã hòa giải, động viên anh chị nhưng không có kết quả. Khi biết chị N làm đơn ra Tòa án để ly hôn anh, anh B đã quay về để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị N lại chửi bới, xúc phạm anh B nên anh B đã bỏ đi luôn. Đầu tháng 9/2019, anh B đưa 01 người phụ nữ và 01 con trai về quê để thắp hương mộ tổ và gia tiên, chị N vẫn tỏ thái độ xúc phạm, chửi bới anh B nên vợ chồng mâu thuẫn càng căng thẳng, trầm trọng. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh B thì chị không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về tài sản chung: Chị N và anh B có nhà riêng ở xã Vũ Hội. Hiện nay do anh B làm nghề lái xe, công việc vất vả nên anh không tham gia phiên tòa được, anh ủy quyền cho chị nhận giúp anh các văn bản của Tòa án và thông báo lại nội dung qua điện thoại cho anh biết.

* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*** Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc Hội chấp nhận yêu cầu của chị N: Xử cho chị N được ly hôn anh B. Về quan hệ con chung: Chị N và anh B có 03 con chung là Lê Thị O, sinh ngày 30/01/1996; Lê Thị Thu H, sinh ngày 03/4/2003 và Lê Thị Thu H1, sinh ngày 09/9/2011. Hiện nay con Lê Thị O đã đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không đặt ra giải quyết. Đề nghị Tòa án giao con Lê Thị Thu H và Lê Thị Thu H1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản: Tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị N khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn, xin nuôi con chung do đó xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Lê Ngọc B cư trú tại huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại

điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Lê Ngọc B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B có quan hệ với người phụ nữ khác, thường xuyên đi làm xa nhà, không quan tâm đến gia đình, bỏ mặc vợ con nên vợ chồng bất hòa, căng thẳng, sống ly thân với nhau từ năm 2005 đến nay. Khi mâu thuẫn của anh chị xảy ra, gia đình hai bên đã hòa giải cho anh chị nhưng không có kết quả. Xét thấy hôn nhân giữa chị N và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nếu có tiếp tục chung sống cũng không thể có hạnh phúc, vì vậy cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị N được ly hôn anh B.

[3.2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Ngọc B có 03 con chung là Lê Thị O, sinh ngày 30/01/1996; Lê Thị Thu H, sinh ngày 03/4/2003 và Lê Thị Thu H1, sinh ngày 09/9/2011. Hiện nay con Lê Thị O đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng. Xét thấy từ khi anh B và chị N ly hôn các con đều ở với chị N, anh B thường xuyên đi làm ăn xa, nguyện vọng của con Hà và Hiền đều muốn được ở với mẹ, nên cần giao cả hai con Hà và Hiền cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về quan hệ tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh B không có lời trình bày về tài sản, vì vậy chưa đủ căn cứ để xác định tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của chị N và anh B. Do đó cần tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Lê Ngọc B.

[2]. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung Lê Thị Thu H, sinh ngày 03/4/2003 và Lê Thị Thu H1, sinh ngày 09/9/2011 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị N và anh B có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3]. Về quan hệ tài sản: Tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003535 ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; chị N đã nộp đủ án ly hôn sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 25/10/2019. Anh Lê Ngọc B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Uỷ Bn nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình; (Giấy chứng nhận kết hôn số: 14, quyển số 01 ngày 28/02/1996);
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương